

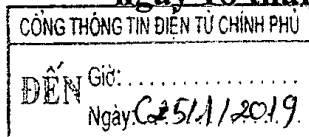
CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch
và đăng ký các quyền đối với tàu bay**



Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006,
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam
ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định
đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và
đăng ký các quyền đối với tàu bay**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1, điểm c Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4
như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 4:

“a) Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức,
cá nhân Việt Nam khai thác (trường hợp tàu bay do cá nhân khai thác thì cá
nhân phải thường trú tại Việt Nam); tàu bay được thuê mua hoặc thuê theo
hình thức thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai
thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại
• Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 4 như sau:

“c) Đối với tàu bay đã qua sử dụng, khi đăng ký quốc tịch lần đầu phải
đáp ứng yêu cầu về tuổi như quy định áp dụng cho tàu bay đã qua sử dụng tại
thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật.”

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 4:

“3. Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam

Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d Khoản 2 Điều này.”

2. Bổ sung điểm đ Khoản 1 Điều 8 như sau:

“đ) Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 3 Điều 9, điểm b Khoản 2 Điều 20, điểm b Khoản 2 Điều 21 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Đối với tàu bay nặng hơn không khí nhưng không có bộ phận đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều này và tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí, việc sơn hoặc gắn dấu hiệu do người đăng ký tàu bay quyết định và phải phù hợp với quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Người thuê mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 06 tháng trở lên đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 5, điểm b Khoản 2 Điều 6, điểm b Khoản 3 Điều 7, điểm b Khoản 2 Điều 15, điểm b Khoản 2 Điều 16, điểm b Khoản 2 Điều 17 và điểm b Khoản 3 Điều 19 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.”

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.”

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.”